TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC LINH
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **13**/2019/DS-ST
Ngày: 19/4/2019
V/v tranh chấp: hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN

-***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Minh Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Bình

2. Ông Nguyễn Văn Thiện

-***Thư ký phiên tòa****:* Ông Nguyễn Văn Hưng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Trong ngày 19 tháng 4 năm 2019, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Đức Linh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 52/2019/TLST-DS, ngày 01 tháng 3 năm 2019, về việc tranh chấp: Hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2019/QĐXXST-DS ngày 28/3/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 38/2019/QĐST-DS ngày 12/4/2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Đức M, sinh năm 1981.

Nơi cư trú: Số nhà S1 đường P, khu phố N, thị trấn V, huyện Đ1, tỉnh Bình Thuận.

2. *Bị đơn:* Ông Phạm Thanh H1, sinh năm 1975.

Nơi cư trú: Thôn S2, xã Đ2, huyện Đ1, tỉnh Bình Thuận.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Bà Huỳnh Thị Hoa H2, sinh năm 1980.

Nơi cư trú: Số nhà S1 đường P, khu phố N, thị trấn V, huyện Đ1, tỉnh Bình Thuận.

- Bà Lê Thị Kim H3, sinh năm 1978.

Nơi cư trú: Thôn S2, xã Đ2, huyện Đ1, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa, có mặt đầy đủ các đương sự.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 11/02/2019, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn Nguyễn Đức M trình bày:

Ngày 17/7/2017 âm lịch, tức ngày 28/8/2017 dương lịch, ông Phạm Thanh H1 có mượn số tiền 25.000.000đồng và nhận góp vốn làm ăn chung với số tiền 16.500.000đồng từ ông M, tổng cộng thành 41.500.000đồng (Bốn mươi mốt triệu năm trăm nghìn đồng), có viết giấy nhận nợ và hứa hẹn 01 năm sau sẽ trả đủ. Tuy nhiên khi hết thời hạn cam kết, ông H1 vẫn chưa trả được bất kỳ khoản tiền nào. Nay ông M khởi kiện yêu cầu ông H1 cùng vợ là Lê Thị Kim H3 phải trả số tiền 41.500.000đồng, chỉ yêu cầu tính lãi kể từ ngày ông H1 và bà H3 chậm thi hành án.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa bị đơn Phạm Thanh H1 trình bày:

Ông có mượn của ông M số tiền 25.000.000đồng (Hai mươi lăm triệu đồng), còn 16.500.000đồng (Mười sáu triệu năm trăm nghìn đồng) là tiền góp vốn làm ăn chung, nhưng vì thua lỗ, không sinh lời nên chưa trả cho ông M. Ông H1 thừa nhận có thiếu ông M tổng số tiền 41.500.000đồng (Bốn mươi mốt triệu năm trăm nghìn đồng), tuy nhiên do gia đình đang gặp hoàn cảnh khó khăn nên chưa trả được nợ.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Huỳnh Thị Hoa H2 trình bày:

Bà thống nhất với ý kiến trình bày, cũng như yêu cầu của ông Nguyễn Đức M, không có bổ sung gì khác.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Thị Kim H3 trình bày:

Tại phiên tòa, bà H3 thừa nhận nợ 25.000.000đồng, còn số tiền 16.500.000đồng giữa ông M và ông H1 góp vốn làm ăn thì bà không biết, nhưng bà vẫn đồng ý cùng ông H1 trả hai khoản nợ này. Tuy nhiên, xin trả nợ dần vì vợ chồng bà không có khả năng thanh toán nợ một lần.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh tụng Tòa án nhận định như sau:

[1] *Về việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp:* Căn cứ vào nội dung, yêu cầu tại đơn khởi kiện đề ngày 11/02/2019, Tòa án xác định đây là vụ án: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

[2] *Về thẩm quyền:* Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận theo quy định tại Khoản 1, Điều 35 và Khoản 1, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Nhận định về việc giải quyết vụ án:* Xét thấy, thực tế giữa ông M và ông H1 tồn tại quan hệ cho vay mượn tiền, được các bên thừa nhận, nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Căn cứ vào nội dung tại giấy mượn tiền đề ngày 27/7/2017, lời khai của các đương sự, Tòa án có đủ cơ sở để xác định được ông Phạm Thanh H1 có ký tên xác nhận và còn thiếu ông Nguyễn Đức M số tiền 41.500.000đồng.

Mặt khác, bà Lê Thị Kim H3 là vợ của ông Phạm Thanh H1 thừa nhận chỉ nợ ông M khoản tiền 25.000.000đồng, còn 16.500.000đồng còn lại bà không hề hay biết. Nhưng tại phiên tòa, bà H3 đồng ý cùng với ông H1 liên đới trả các khoản tiền trên. Căn cứ Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015, cần buộc bà H3 và ông H1 trả số tiền 41.500.000đồng theo như yêu cầu của nguyên đơn, là phù hợp và đúng quy định pháp luật.

[4] Xét thấy, việc ông M và bà H2 yêu cầu tính lãi trong trường hợp ông H1 và bà H3 chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án, là phù hợp với quy định tại Điều 357 và 468 Bộ luật dân sự năm 2015 nên cần chấp nhận.

[5] *Về án phí:* Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn Phạm Thanh H1 và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Lê Thị Kim H3 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 357, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Xử:

1. Buộc ông Phạm Thanh H1 và bà Lê Thị Kim H3 trả cho ông Nguyễn Đức M và bà Huỳnh Thị Hoa H2 số tiền 41.500.000đồng (Bốn mươi mốt triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày ông Nguyễn Đức M và bà Huỳnh Thị Hoa H2 có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Phạm Thanh H1 và bà Lê Thị Kim H3 chậm thực hiện nghĩa vụ, thì còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí: Ông Phạm Thanh H1 và bà Lê Thị Kim H3 phải chịu 2.075.000đồng (Hai triệu không trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông Nguyễn Đức M 1.037.000đồng (Một triệu không trăm ba mươi bảy nghìn đồng) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0025153 ngày 01/3/2018, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh.

3. Về quyền kháng cáo: Báo cho nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày tuyên án (19/4/2019), để Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./-

Nơi nhận:
-TAND tỉnh;
-VKSND huyện;
-CCTHADS huyện;
-Đương sự;
-Lưu./

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Minh Tuấn